TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 21/2023/DS-PT	
Ngày: 21/9/2023	
V/v "*Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn*".	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2022/DS-PT ngày 14 tháng 10 năm 2022, về việc: "Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2202/QĐPT, ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Th La, sinh năm 1980; cư trú tại: 58/44/113 tổ 6 khu p 2, phường Linh Tr, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Võ Hoàng Ph, sinh năm 1978; cư trú tại: Đ 5, khu p 2, phường Linh Tr, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày 21/5/2021); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vân Ph L, sinh năm 1967; cư trú tại: Số 35/14A, khu phố Bình Đ 2, phường An B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Trần Quang T, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 10, đ 57 ph 10, Q 6, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền ngày 20/12/2018); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vân Phùng O, sinh năm 1937; cư trú tại: 35/14A, khu phố Bình Đ 2, phường An B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Vân Phi H, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 28/14, khu phố Bình Đ 2, phường An B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị M La, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp Phú C, xã Phú H, huyện Châu Th, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ liên lạc: 35/14A, khu phố Bình Đ 2, phường An B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Đình Ch, sinh năm 1971; cư trú tại: Số 949, đường Nguyễn Duy Tr, phường Phú H, Thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

5. Công ty TNHH sản xuất - kinh doanh inox Gia K; địa chỉ trụ sở: Số 28/14A, khu phố Bình Đ 2, phường An B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976 - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, vắng mặt.

3.6. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; địa chỉ chi nhánh: Số 927a Kha Vạn C, phường Linh T, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam: Ông Nguyễn Đình V - Giám đốc phòng giao dịch Linh Tr, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Thủ Đ là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

3.7. Bà Nguyễn Lệ H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 38/17/5, đ 9, phường Linh T, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị Th L và bị đơn ông Vân Phi L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn (bà Võ Thị Th La) trình bày:

Tôi và ông Vân Ph L là vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp nhưng chúng tôi đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 707/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D A, tỉnh Bình Dương. Khi ly hôn chúng tôi không yêu cầu chia tài sản chung mà để vợ chồng tự thỏa thuận, tuy nhiên khi có quyết định công nhận thuận tình ly hôn thì tôi và ông Vân Ph L không thống nhất được về việc chia tài sản chung của vợ chồng. Hiện nay, tôi đã trực tiếp đang nuôi 02 con chung theo Quyết định số 01/2019 ngày 01/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D A.

Tôi yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

- Đối với 01 căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 449,8m^2 thửa số 1693, tờ bản đồ số 9AB.11 được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện D A, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03089 ngày

09/12/2009 cho ông Vân Ph L và bà Võ Thị Th La tọa lạc ấp Bình Đ 2, xã An B, huyện (nay là thành phố) D A, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc của cha mẹ chồng tôi (ông Vân Phùng O, bà Trần Thị T) tặng cho tôi và ông Vân Ph L, trên đất có căn nhà cấp 4 do vợ chồng tôi xây dựng năm 2004 và kho phía sau vợ chồng tôi xây dựng năm 2018 hiện nay đang cho Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Inox Gia K (sau đây gọi là Công ty Gia K) thuê để kinh doanh. Khi cho Công ty Gia K thuê có lập 02 hợp đồng: 01 hợp đồng là thuê căn nhà cấp 4 phía trước với giá 24.000.000 đồng/ tháng, 01 hợp đồng thuê kho phía sau 20.000.000 đồng/ tháng; tuy nhiên kho phía sau liền kề với đất, kho của anh trai chồng tôi tên Vân Phi H nên Công ty Gia K thuê luôn phần đất của anh H. Chính vì vậy tôi, ông Lvà ông H ký chung 01 hợp đồng thuê với Công ty Gia K với giá 40.000.000 đồng, trong đó phần cho thuê của tôi và ông L là 20.000.000 đồng, của ông H là 20.000.000 đồng. Trong số tiền Công ty Gia K trả cho tôi và ông L thì chuyển khoản cho tôi là 33.000.000 đồng, số tiền 11.000.000 đồng thì trực tiếp trả cho ông L. Nay tôi yêu cầu chia đôi tài sản chung nêu trên, tôi yêu cầu được nhận hiện vật là đất và tài sản gắn liền trên đất vì hiện nay tôi đang nuôi 02 con chung chưa thành niên và không có nơi ở, đang phải đi thuê nhà.

- Đối với 01 căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 382,5 m^2 thửa số 3294, tờ bản đồ số 9AB.11 được UBND huyện D A, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BL 242693 ngày 17/8/2012 cho ông Vân Ph L và bà Võ Thị Th La tọa lạc khu phố Bình Đ 2, phường An B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương, có nguồn gốc của cha mẹ chồng tôi tặng cho tôi và ông Vân Ph L, trên đất có căn nhà 03 tầng do cha mẹ chồng tôi xây dựng vào khoảng năm 2008, toàn bộ nhà và đất này cha mẹ chồng tôi đã tặng cho tôi và ông L, tôi yêu cầu chia đôi tài sản chung, để cho ông Lâm Phi V nhận hiện vật là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất, hiện nay cha chồng tôi là Vân Phùng O và ông L đang sinh sống trên nhà đất này.

Nếu có sự chênh lệch về đất và tài sản gắn liền trên đất thì bên nào nhận tài sản có giá trị lớn hơn sẽ hoàn trả lại cho bên kia phần giá trị tương ứng. Đối với tất cả những tài sản là vật dụng sinh hoạt trong gia đình tại căn nhà như ti vi, tủ lạnh….tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để cho ông L được toàn quyền sở hữu.

- Đối với 01 ô tô hiệu CHEVROLET 5 chỗ biển số 51A – 244.9.. do tôi đứng tên, đây là tài sản chung của tôi và ông Ph L tôi yêu cầu chia đôi và để cho ông Ph L nhận hiện vật, ông Ph L hoàn trả lại cho tôi ½ giá trị chiếc xe trên.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn AGRIBANK - chi nhánh Thủ Đ số tiền 650.000.000 đồng, đây là số nợ chung, mỗi người có trách nhiệm trả ½ cho ngân hàng, tuy nhiên nếu Tòa án giải quyết cho ai được nhận hiện vật căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất mà đang thế chấp ngân hàng sẽ có trách nhiệm trả tiền này cho ngân hàng và các bên sẽ thanh toán cho nhau số tiền chênh lệch.

- Đối với yêu cầu phản tố chia tài sản chung của ông Vân Ph L là 01 chiếc xe mô tô hiệu honda SH 150i, biển kiểm soát 59U-027.2.. do tôi đứng tên, tôi đồng

ý đây là tài sản chung và chia mỗi người ½ giá trị, tuy nhiên tôi giao cho ông Ph L nhận hiện vật, tôi nhận ½ giá trị.

Về nợ chung ông Ph L phản tố yêu cầu giải quyết: Nhận của Công ty Gia K số tiền 270.000.000 đồng là tiền đặt cọc thuê mặt bằng, tôi đồng ý đây là nợ chung của vợ chồng và đồng ý chia đôi mỗi người phải trả ½ số nợ này, tuy nhiên nếu Tòa án giải quyết cho ai được sở hữu căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất mà đang cho Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh inox Gia K thuê thì sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ, người còn lại sẽ thanh toán số tiền chênh lệch.

- Hiện nay 02 thửa đất đang tranh chấp mỗi thửa đất có 1 phần diện tích dùng làm đường đi nội bộ cho gia đình: từ khi tôi về làm dâu đã có con đường đất hiện hữu, con đường này sử dụng để làm đường đi vào phần đất thửa 3293 phía trong là của cha mẹ chồng tôi, vì phía bên trong kinh doanh quán cà phê, sau này cha mẹ chồng tôi tặng cho phần quyền sử dụng đất quán cà phê cho anh chồng tôi là ông Vân Phi H thì ông H vẫn sử dụng con đường đi này. Đồng thời phía bên nhà anh chồng tôi là ông Vân Phi S (đã chết), vợ là Nguyễn Thị L Hu và nhà tôi cũng sử dụng con đường đi này. Ngoài con đường này thì ông Vân Phi H vẫn có con đường đi khác nhưng ít khi sử dụng, con đường này cũng là đường tự mở của gia đình, phần đường đi này trên phần đất của Vân Thị Phi T (đã chết). Đến năm 2005 mẹ chồng tôi cho ông Nguyễn Đình Ch thuê quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 3293 (thửa đất này hiện nay ông Vân Phi H đang đứng tên quyền sở hữu), ông Ch có làm đường nhựa như hiện tại. Ông H cũng đang là chủ sử dụng đất thửa số 1692 liền kề với quyền sử dụng đất thuộc thửa 3293, tiếp giáp với đường Kha Vạn C hiện đang cho ông Nguyễn Đình Ch thuê, nên tôi yêu cầu ông H phải tự mở lối đi trên phần đất của mình và không tiếp tục sử dụng phần đất của tôi và ông Ph L để làm lối đi.

- Bị đơn ông Vân Ph L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Quang T thống nhất trình bày:

Thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân và số tài sản chung và nợ chung của ông Ph L và bà Th La.

Tuy nhiên đối với 01 căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 449,8m^2 thửa số 1693, tờ bản đồ số 9AB.11 và 01 căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 382,5m^2 thửa số 3294, tờ bản đồ số 9AB.11 có nguồn gốc của cha mẹ ông Ph L tặng cho nên yêu cầu chia cho ông Vân Ph L 70% giá trị tài sản và nhận toàn bộ bằng hiện vật, ông Ph L sẽ hoàn trả lại cho bà Th L bằng tiền với 30% giá trị tài sản chung. Đối với 01 chiếc xe ô tô hiệu CHEVROLET 5 chỗ và 01 chiếc xe mô tô hiệu honda SH 150i là tài sản chung của ông Ph L, bà Th L nên ông Ph L đồng ý chia mỗi người ½ giá trị và ông Ph L yêu cầu nhận hiện vật, hoàn trả cho bà Th L giá trị ½ tài sản là 01 chiếc xe ô tô hiệu CHEVROLET 5 chỗ và chiếc xe mô tô hiệu honda SH 150i.

Đối với số nợ ngân hàng, ông Ph L và bà Th La mỗi người có trách nhiệm trả ½, đối với tiền nhận cọc của Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh inox Gia K mỗi người có trách nhiệm trả ½ số tiền đã nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập ông Vân Ph H trình bày:

Đối với tài sản là nhà và đất mà bà Võ Thị Th La đang tranh chấp có nguồn gốc của cha tôi cho anh Ph L và chị Th La khi đang là vợ chồng hợp pháp. Trong đó có 01 căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 449,8m^2 thửa số 1693, tờ bản đồ số 9AB.11 được UBND huyện D A, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03089 ngày 09/12/2009 cho ông Vân Ph L và bà Võ Thị Th La tọa lạc ấp Bình Đ 2, xã An B, huyện D A, tỉnh Bình Dương ở liền kề là nhà, đất của tôi (tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 662115 do UBND huyện D A, tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/12/2009 đối với thửa đất số thửa số 1692, tờ bản đồ số 9AB.11) vì vậy giữa tôi và ông Vân Ph L và bà Võ Thị Th La có ký hợp đồng cho thuê mặt bằng với Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Inox Gia K với giá hiện nay là 40.000.000 đồng/1 tháng, phần của tôi là 20.000.000 đồng, phần còn lại là 20.000.000 đồng là trả cho Ph L và Th La, trong đó tiền đặt cọc trước là 150.000.000 đồng, tôi nhận cọc là 75.000.000 đồng, phần còn lại là Th La và Th La nhận. Trên phần đất tôi cho Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Inox Gia K thuê để kinh doanh thuê, hiện nay Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Inox Gia K vẫn đang kinh doanh.

Đối với hợp đồng thuê mặt bằng giữa tôi, ông Ph L, bà Th La và Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Inox Gia K tôi không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th La và anh Vân Ph L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trên phần đất tranh chấp có con đường đi gia đình sử dụng từ năm 1976 để đi ra đường Kha Vạn C, ngoài con đường này chúng tôi không có con đường nào khác để đi. Tuy nhiên, do đất của cha mẹ để lại nên khi chừa đất để làm đường đi thì không lập văn bản mà thực tế mọi người đã thống nhất sử dụng như vậy.Vì vậy tôi đề nghị Tòa án công nhận con đường đi từ đường Kha Vạn C vào thửa đất 3293 là lối đi chung khi chia tài sản chung của ông L và bà La.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vân Phùng L trình bày:

Đối với 01 căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 449,8m^2 thửa số 1693, tờ bản đồ số 9AB.11 có nguồn gốc của ông L và vợ (bà T), tuy nhiên đã làm hợp đồng tặng cho Vân Ph L và Võ Thị Th La. Ông O đồng ý đây là tài sản chung của L và L nên đề nghị Tòa án có tính đến nguồn gốc hình thành tài sản để chia theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 382,5m^2 thửa số 3294, tờ bản đồ số 9AB.11 được UBND huyện D A, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 242693 ngày 17/8/2012 cho ông Vân Ph L và bà Võ Thị Th La tọa lạc khu phố Bình Đ 2, phường An B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, đất này có nguồn gốc của tôi, hiện nay đây là nơi tôi đang sinh sống và làm nơi thờ cúng trong gia đình, ý định của tôi chỉ cho Vân Ph L là con trai út để sau này thực hiện nghĩa vụ thờ cúng, phụng dưỡng cha mẹ nên tôi không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của chị Th La. Trên đất có căn nhà do tôi xây dựng

khoảng năm 2010 nên không đồng ý đây là tài sản chung của Ph L và Th La, không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của Ph L.

Đối với 01 ô tô hiệu CHEVROLET 5 chỗ biển số 51A – 2449.. do bà Võ Thị Th La đứng tên và 01 chiếc xe mô tô hiệu honda SH 150, biển kiểm soát 59U-027.2.., tôi không có ý kiến gì vì đây là tài sản chung của Ph L và Th La, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung của Ph L và Th La: Nợ ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn AGRIBANK - chi nhánh Thủ Đ số tiền 650.000.000 đồng, đây là nợ của Vân Ph L và bà Võ Thị Th La tôi không có ý kiến gì. Đối với số tiền Ph L và bà Th La có nhận của Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh inox Gia K số tiền 270.000.000 đồng là tiền đặt cọc thuê mặt bằng tôi không biết và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trên phần đất tranh chấp có con đường đi được sử dụng năm 1980, nên đề nghị chừa con đường đi để sử dụng vào bên trong vì ngoài con đường đi này thì gia đình không có đường đi nào khác để đi ra đường Kha Vạn C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Tôi (Lệ) hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ số 35/14A, khu phố Bình Đ 2, phường An B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương là phần nhà và đất đang tranh chấp trong vụ án, tôi sinh sống từ năm 2012 cho đến nay, tuy nhiên tôi chỉ sinh sống mà không đăng ký tạm trú.

Trong quá trình sinh sống tôi không có công sức đóng góp gì đối với nhà và đất. Tôi xác định, tôi không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án. Đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Võ Thị Th La và anh Vân Ph L tôi không có ý kiến gì, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Ch trình bày:

Ông Chiểu là người thuê quyền sử dụng đất của bà Trần Thị T và Vân Phùng L, hiện nay phần đất này do ông Vân Ph H đứng tên quyền sử dụng đất, hiện nay đã hết hạn thuê nhưng tôi vẫn tiếp tục thuê mà không làm hợp đồng mới.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Ch không có ý kiến gì. Đề nghị giữ nguyên hiện trạng là con đường đi ra đường Kha Vạn C.

- Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH sản xuất - kinh doanh inox Gia K là ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Công ty TNHH sản xuất - kinh doanh inox Gia K và ông Ph L, bà Th La có ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất vào năm 2015, đến năm 2018 Công ty TNHH sản xuất – kinh doanh inox Gia K ký thêm hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với ông Vân Ph H, bà Võ Thị Th La và ông Vân Ph L, các bên thực hiện theo đúng các điều khoản tại hợp đồng, Công ty TNHH sản xuất - kinh doanh inox Gia K đã xây dựng nhà xưởng trên phần đất thuê. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Công ty TNHH sản xuất - kinh doanh inox Gia K không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thuê giữa Công ty và ông L, bà La cũng như hợp đồng giữa công ty và ông L, bà La, ông H.

- Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Ông Ph L và bà Th La ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Thủ Đ và hợp đồng thế chấp số 6100-LCP-201800513 để vay số tiền 800.000.000 đồng, ngân hàng đã giải ngân đầy đủ, hiện nay ông Ph L và bà Th La còn nợ số tiền gốc là 650.000.000 đồng. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng tín dụng giữa các bên. Trường hợp Tòa án giải quyết giao tài sản hiện nay đang thế chấp tại ngân hàng cho ai thì người đó có trách nhiệm trả nợ toàn bộ cho ngân hàng, trường hợp đương sự vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng sẽ phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình số 27/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 238, 266, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vân Ph H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Th La đối với bị đơn ông Vân Ph L về việc "Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn"; Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vân Ph L.

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Võ Thị Th La và ông Vân Ph L đối với những vấn đề sau:

- Ông Vân Ph L được sở hữu, sử dụng 01 ô tô hiệu CHEVROLET 5 chỗ biển số 51A - 244.9..; 01 chiếc xe mô tô hiệu honda SH 150i, biển kiểm soát 59U-027.2..; buộc ông Vân Ph L có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị Th La số tiền: 165.000.000 đồng.

- Ông Vân Ph L đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Thủ Đ 650.000.000 đồng; buộc bà Võ Thị Th La có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vân Ph L số tiền 325.000.000 đồng.

- Bà Võ Thị Th La và ông Vân Ph L mỗi người phải thanh toán cho Công ty Gia K số tiền 135.000.000 đồng.

2.2. Chia tài sản chung của bà Võ Thị Th La và ông Vân Ph L đối với 02 thửa đất 1693 và 3294 cùng tài sản gắn liền với đất như sau:

- Chia cho bà Võ Thị Th La diện tích 199,5m^2 đất (ngang 5m, dài 40m) thuộc thửa 1693; trong đó đất ở: 150m^2; đất cây lâu năm 49,5m^2; tài sản gắn liền diện tích đất là nhà xưởng. (*có sơ đồ bản vẽ kèm theo*)

- Chia cho ông Vân Ph L sở hữu, sử dụng toàn bộ thửa đất số 3294 có diện tích 382,5m^2 (trong đó có 113,2m^2 đất ở và 269,3m^2 đất cây lâu năm) và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ 03 tầng, 01 mái che, 02 trụ cổng, 01 cửa sắt, 01 đồng hồ nước máy, 01 tường rào; Chia cho ông Vân Ph L sở hữu, sử dụng phần diện tích đất còn lại của thửa 1693 là 250,3m^2 (trong đó có 128,4m^2 đất ở và 121,9m^2 đất cây lâu năm) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất này là căn nhà cấp 4 có diện tích 37,3m^2; nhà xưởng, nhà kho, đồng hồ nước, điện kế. *(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)*

Buộc ông Vân Ph L phải thanh toán cho bà Võ Thị Th La số tiền: 3.365.251.600 đồng (ba tỷ ba trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, đo vẽ, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/9/2022 bà Th La kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chia bằng hiện vật nhà đất một trong hai thửa đất. Ngày 13/9/2022 ông Ph L kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, nguồn gốc đất của cha mẹ cho, khi cho chỉ cho hai thửa đất không cho nhà; nên yêu cầu trả cho bà Th La bằng tiền trị giá thấp hơn 40% của hai thửa đất. Tại phiên tòa, bà Th La thay đổi một phần nội dung đơn kháng cáo, chỉ yêu cầu được chia 40% hiện vật là nhà đất; người đại diện cho ông Ph L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu chia cho bà La từ 25% đến 30% tài sản và chia giá trị bằng tiền, căn nhà 3 tầng của cha mẹ ông Ph L chưa cho là tài sản riêng của cha mẹ; hai bên không yêu cầu định giá lại tài sản và cũng không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Bà Th La yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm chia cho bà Th La 40% nhà đất là tài sản chung của vợ chồng, do cha mẹ chồng cho và yêu cầu được nhận toàn bộ bằng hiện vật; vì hiện nay bà Th La đang nuôi con nhưng phải ở nhà thuê, nhà đất rộng chia bằng hiện vật được.

Ông T người đại diện cho ông Ph L cho rằng nguồn gốc nhà đất do cha mẹ ông Ph L tặng cho, bà Th La về làm vợ chỉ được 10 năm thì ly thân, nếu chia đất cho bà Th La thì đất trở thành nhỏ lẽ, ảnh hưởng đến các lô đất phía sau của anh em; hơn nữa bà Th La không có hộ khẩu và cũng không ở đây, nên yêu cầu chia cho bà La từ 25% đến 30% tài sản chung và giao bằng tiền cho bà Th La; còn căn nhà 3 tầng của cha mẹ ông Ph L chưa tặng cho vợ chồng ông Ph L, bà Th La nên không được chia trong tài sản chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo, bản án sơ thẩm xét xử và chia tài sản đúng quy định pháp luật, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bác kháng cáo hai bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Đơn kháng cáo của bà Th La và ông Ph L đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Xét đơn kháng cáo của bà Th La, ông Ph L:

[1]. Theo trình bày của hai bên thì bà Th La và ông Ph L kết hôn ngày 07/3/2002; đến ngày 08/10/2018, bà Th La và ông Ph L thuận tình ly hôn; tài sản chung của vợ chồng chưa yêu cầu giải quyết.

[2]. Theo tài liệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 28/10/2009 thì cụ Vân Phùng L, cụ Trần Thị T (cha mẹ ông Ph L) tặng cho ông Ph L và bà Th La thửa đất số 1693, tờ bản đồ số 9AB.11, có diện tích 449,8m^2, được UBND huyện D A cấp Giấy CNQSDĐ số H03089 ngày 09/12/2009 đứng tên ông Ph L, bà Th La. Theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/9/2011, đã thể hiện: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số T 368199 ngày 23/8/2001 của UBND huyện D A thì người sử dụng đất là cụ Trần Thị T, tại thửa đất số 214a, tờ bản đồ số 09, có diện tích 2.050,7m^2; cụ Vân Phùng La, cụ Trần Thị T làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Ph L và bà Th La 382,5m^2, tại thửa đất số 3294, tờ bản đồ số 9AB.11, do cụ Trần Thị Li đứng tên (BL: 61, 62). Tại thời điểm cụ Vân Phùng O, cụ Trần Thị T làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Ph L và bà Th La thì trên đất hai cụ đã xây dựng căn nhà 3 tầng từ năm 2010, chưa có giấy phép xây dựng và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà; trong quá trình làm lại giấy phép xây dựng, nộp thuế, công khai, niên yết để làm thủ tục UBND huyện D A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BL 242693 ngày 17/8/2012 cho ông Vân Ph L và bà Võ Thị Th La (BL: 52 đến 60) thì hai cụ cũng không khiếu nại, tranh chấp với ông Ph L, bà Th La; nên có cơ sở khi cho nhà và đất nhưng do nhà chưa có giấy tờ sở hữu nên cụ Vân Phùng La, cụ Trần Thị T không đề cập đến căn nhà là phù hợp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất 1693, thửa đất 3294 và căn nhà 3 tầng trên thửa đất 3294, cụ Vân Phùng O và cụ Trần Thị T đã tặng cho vợ chồng ông Ph L, bàTh La là có căn cứ.

[3]. Ông Ph L và bà Th La đã quản lý, sử dụng thửa đất 1693 và xây nhà cấp 4 để ở từ năm 2004; đến năm 2018 ông Ph La và bà Th La xây dựng nhà kho, nhà xưởng trên thửa đất 1693 để cho Công ty Gia K thuê kinh doanh, nên có cơ sở để xác định ông Ph L và bà Th La đã quản lý và đầu tư trên đất, làm tăng giá trị nhà đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định nhà và tài sản khác gắn liền trên hai thửa đất là tài sản chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông Ph L, bà Th La là có căn cứ; đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng xem xét nguồn gốc nhà đất là của cha mẹ ông Ph L tặng cho; quá trình sử dụng ông Ph L, bà Th La xây dựng thêm nhà, công trình kiến trúc, đầu tư trên đất, để chia cho ông Ph L 60% và bà Th La 40% nhà đất và tài sản trên đất là phù hợp với nguồn gốc, công sức tôn tạo nhà đất được quy định tại Điều 33, điểm b khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, kháng cáo của ông L yêu cầu chia cho bà La từ 25% đến 30% nhà đất là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[4]. Thửa đất số 1693, diện tích 449,8m^2 (trong đó có 278,4m^2 đất ở và 171,4m^2 đất CLN) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2004 có diện tích 37,3m^2, nhà xưởng xây dựng năm 2018 có diện tích 307,5m^2. Thửa đất

số 3294 có diện tích 382,5m^2 (trong đó có 113,2m^2 đất ở và 269,3m^2 đất CLN) và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẽ 03 tầng xây dựng năm 2010 có diện tích 220,2m^2. Như vậy, tài sản chung là nhà đất của ông Ph L, bà Th La có tổng diện tích 391,6m^2 đất ở và 440,7m^2 đất CLN, tại cấp sơ thẩm bà Th La có yêu cầu chia bằng hiện vật là nhà đất một trong hai thửa đất 1693 và thửa 3294; thực tế ông Ph L và cụ Vân Phùng O đang sinh sống tại căn nhà 3 tầng, thuộc thửa 3294, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia thửa 3294 và tài sản gắn liền cho ông Ph L, chia một phần thửa 1693 và tài sản gắn liền cho bà Th L, phần còn lại của thửa 1693 giao cho ông Ph L là phù hợp. Vì tài sản chung của ông Ph L và bà Th La chia bằng hiện vật được.

[5]. Bà Th La được chia 40% tài sản, được sử dụng 156,64m^2 đất ở và 176,28m^2 đất CLN, tổng cộng bà Th L được sử dụng 332,92m^2 (đất ở và đất CLN). Do thửa đất số 1693, diện tích 449,8m^2 (trong đó có 278,4m^2 đất ở và 171,4m^2 đất CLN); nên bà Th L được sử dụng phần A diện tích 330,8m^2 và phần B diện tích 6,1m^2, có tổng diện tích là 336,9m^2 (trong đó có 171,4m^2 đất CLN và 165,5m^2 đất ở), tại một phần thửa 1693 và bà Th L được sở hữu căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2004 có diện tích 37,3m^2 cùng nhà xưởng tài sản trên đất. Theo kết quả định giá, đối với đất ở có giá trị 32.000.000 đồng/m^2 x 165,5m^2 = 5.296.000.000 đồng; đất trồng cây lâu năm có giá 26.000.000 đồng/m^2 x 171,4m^2 = 4.456.400.000 đồng; nhà cấp 4 có giá 2.630.000 đồng/m^2 x 37,3m^2 x giá trị sử dụng còn lại là 10% = 9.809.900 đồng; ngoài ra trên diện tích đất này có 01 đồng hồ nước máy giá: 200.000 đồng; 01 đồng hồ điện kế chính giá:15.000.000 đồng; 01 tường xây có giá 580.000 đồng/m^2 x diện tích 39,52m^2 x giá trị sử dụng còn lại 20% = 4.584.320 đồng; nhà xưởng (kho) có giá 2.360.000 đồng/m^2 x 307,5m^2 x giá trị sử dụng còn lại là 20% = 145.140.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bà L được chia thực tế là 9.927.134.000 đồng (40% tài sản là 9.923.072.000 đồng).

[6]. Ông Ph L được chia 60% tài sản, được sử dụng 234,96m^2 đất ở và 264,42m^2 đất CLN, tổng cộng ông Ph L được sử dụng 499,38m^2 (đất ở và đất CLN); nên ông Ph L được sử dụng phần C, D, E, F có tổng diện tích 495,4m^2 (44,2m^2 + 68,7m^2 +156,2m^2 + 226,3m^2), trong đó có 226,1m^2 đất ở và 269,3m^2 đất CLN, thuộc thửa số 3294 và một phần của thửa 1693, ông Ph L được sở hữu tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẽ 03 tầng xây dựng năm 2010 có diện tích 220,2m^2, 01 mái che xây dựng năm 2018 có diện tích 35,25m^2; 02 trụ cổng xây dựng năm 2010, 01 cửa sắt; 01 đồng hồ nước máy; 01 tường rào. Theo kết quả định giá đối với đất ở có giá trị 32.000.000 đồng/m^2 x 226,1m^2 = 7.235.200.000đồng; đất trồng cây lâu năm có giá 26.000.000 đồng/m^2 x 269,3m^2 = 7.001.800.000 đồng; nhà ở 03 tầng có giá 5.090.000 đồng/m^2 x 220,2m^2 x giá trị sử dụng còn lại là 55% = 616.449.900 đồng; 01 mái che có giá 490.000 đồng/m^2 x 35,25m^2 x giá trị sử dụng còn lại là 90% = 15.545.250 đồng; 02 trụ cổng giá: 3.185.000 đồng/m^2 x 0,96m^3 x 55% giá trị sử dụng = 1.681.680 đồng; 01 cửa sắt giá:101.000 đồng/m^2 x 7,4m^2 = 747.400 đồng; 01 đồng hồ nước máy có giá 200.000 đồng; 01 điện kế chính giá 1.500.000 đồng; 01 tường rào xây dựng 2005 có giá 580.000 đồng/m^2 x 63,98m^2 x giá trị sử dụng còn lại 20% = 7.421.680 đồng. Tổng giá trị tài sản ông Ph L được chia thực tế là 14.880.545.910 đồng (60% tài sản là 14.884.608.000 đồng). Tài sản chia hai

bên chênh lệch khoảng 4.000.000 đồng là không đáng kể nên không phải hoàn trả cho nhau.

[7]. Do đó, kháng cáo của bà Th La yêu cầu được chia hiện vật nhà đất và tài sản gắn liền đất theo phần được chia là phù hợp; ông ph L kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung cho bà Th La trị giá bằng tiền là không phù hợp với khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được chấp nhận.

[8]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời trình bày của bà Lan phù hợp nên được chấp nhận; lời trình bày của người đại diện cho ông Ph L không phù hợp nên không được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần; chấp nhận đơn kháng cáo của bà Th La, sửa một phần bản án sơ thẩm; ông Ph L phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Vân Phi L, chấp nhận đơn kháng cáo của bà Võ Thị Th La; sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2022/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 33, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vân Ph H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Th La đối với bị đơn ông Vân Ph L về việc "Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn".

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Võ Thị Th La và ông Vân Ph L đối với những vấn đề sau:

- Ông Vân Ph L được sở hữu, sử dụng 01 ô tô hiệu CHEVROLET 5 chỗ biển số 51A - 244.9..; 01 chiếc xe mô tô hiệu honda SH 150i, biển kiểm soát 59U-027.2..; buộc ông Vân Ph L có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị Th L số tiền: 165.000.000 đồng.

- Ông Vân Ph L đã thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Thủ Đ 650.000.000 đồng; buộc bà Võ Thị Th La có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vân Ph L số tiền 325.000.000 đồng.

- Bà Võ Thị Th La và ông Vân Ph L mỗi người phải thanh toán cho Công ty Gia K số tiền 135.000.000 đồng.

2.2. Chia tài sản chung của bà Võ Thị Th La và ông Vân Ph L đối với 02 thửa đất 1693 và 3294 cùng tài sản gắn liền với đất như sau:

- Chia cho bà Võ Thị Th La sử dụng phần A diện tích 330,8m^2 và phần B diện tích 6,1m^2, có tổng diện tích là 336,9m^2 (trong đó có 171,4m^2 đất CLN và 165,5m^2 đất ở), tại một phần thửa 1693, bà Võ Thị Th La được sở hữu căn nhà cấp 4 diện tích 37,3m^2, 01 đồng hồ nước máy, 01 đồng hồ điện kế, nhà xưởng (kho) 307,5m^2. Tổng giá trị tài sản bà Th La được chia là 9.927.134.000 đồng.

- Chia cho ông Vân Ph L được sử dụng phần C, D, E, F có tổng diện tích 495,4m^2 = 44,2m^2 + 68,7m^2 +156,2m^2 + 226,3m^2 (trong đó có 226,1m^2 đất ở và 269,3m^2 đất CLN), thuộc một phần của thửa 1693 và thửa số 3294, ông Vân Phi L được sở hữu căn nhà cấp 3 diện tích 220,2m^2, 01 mái che diện tích 35,25m^2, 02 trụ cổng, 01 cửa sắt, 01 đồng hồ nước máy, 01 tường rào. Tổng giá trị tài sản ông L được chia là 14.880.545.910 đồng.

(Theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 2158 - 2023, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Dĩ A lập ngày 19/9/2023)

3. Bà Võ Thị Th La, ông Vân Ph L được quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất, theo quyết định của bản án được quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 (Theo quyết định có thay đổi diện tích đất ở và đất CLN được chia cho bà Th La, so với Mảnh trích lục ngày 19/9/2023).

4. Về chi phí tố tụng chi phí xem xét, thẩm định và định giá: 5.763.423 đồng bà Võ Thị Th L đã nộp. Do đó, ông Vân Ph L phải thanh toán cho bà Võ Thị Th La số tiền 3.458.053 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vân Ph H phải chịu 2.000.000 đồng, ông H đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương trả lại cho ông Vân Ph H số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000106 ngày 05/4/2022.

- Buộc bà Võ Thị Th aL phải nộp 117.923.070 đồng tiền án phí về chia tài sản (một trăm mười bảy triệu chín trăm hai mươi ba nghìn không trăm bảy mươi đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016 - 0027793 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D A. Bà Võ Thị Th La còn phải nộp thêm số tiền là 105.923.070 đồng (một trăm linh năm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn không trăm bảy mươi đồng).

- Buộc ông Vân Ph L phải nộp 122.884.607 đồng tiền án phí về chia tài sản và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016 - 0027965 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D A. Ông Vân Ph L còn phải nộp thêm số tiền là 114.884.607 đồng (một trăm mười bốn triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm linh bảy đồng).

II. Về án phí phúc thẩm: Ông Vân Ph L phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000238 ngày 13/9/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương, nên ông Vân Ph L đã nộp đủ án phí.

Bà Võ Thị Th La không phải chịu nên hoàn trả 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000244 ngày 19/9/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương cho bà Võ Thị Th La.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (2);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Dương (1);
- Đương sự (9)
- Lưu VP (5), (NTTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh - Phạm Văn Công **Đặng Văn Ý**